

Số/ No: 10092 2210A/KQ
 Mã số/ Code: 4961 2210
 Mã số mẫu/ Sample code: 18412 2210
 Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

 CTY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG
 ĐIỆN Số: 358
 Ngày: 07/11/22
 Chuyển:
 Lưu hồ sơ số: QLCL

Tên khách hàng/ Client : CHI NHÁNH CẤP NƯỚC VŨNG LIÊM

Địa chỉ/ Address : Ấp Trung Tín, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 21/10/2022 Ngày phân tích/ Date of analysis : 22/10/2022

Ngày trả kết quả/ Date of issue : 28/10/2022

Loại mẫu/ Kind of sample : Nước đã xử lý Số lượng mẫu/ Quantity of sample : 01 mẫu

Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SẠCH

Tình trạng mẫu/ State of sample : Đựng trong chai nhựa

Địa điểm lấy mẫu : Tại Chi nhánh cấp nước Vũng Liêm

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCVN 01-1: 2018/BYT
1	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 3
2	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 1
3	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl ₂ B : 2017	0,80	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4	Độ đục (*)	SMEWW 2130.B : 2017	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2
5	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2017	Không phát hiện (LOD=3,0)	TCU	15
6	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
7	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	6,75	-	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(*): Chi tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).

(s/c): Chi tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER**

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**


ThS. Nguyễn Văn Tâm

**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN****VIET TIN TESTING CO., LTD**

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P.Bình Trị Đông B, Q.Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office: No.39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM city
Tel: (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



VILAS 1074 VIMCERTS 211

Số/ No: 10093 2210A/KQ
Mã số/ Code: 4961 2210
Mã số mẫu/ Sample code: 18413 2210
Trang/ Page: 1/ 1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : **CHI NHÁNH CẤP NƯỚC VŨNG LIÊM**
Địa chỉ/ Address : **Ấp Trung Tín, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **21/10/2022** Ngày phân tích/ Date of analysis : **22/10/2022**
Ngày trả kết quả/ Date of issue : **28/10/2022**
Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước đã xử lý** Số lượng mẫu/ Quantity of sample : **01 mẫu**
Tên mẫu/ Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Địa điểm lấy mẫu: Số nhà 214 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, xã Trung Thành Tây, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
Tình trạng mẫu/ State of sample : **Đựng trong chai nhựa**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCVN 01-1: 2018/BYT
1	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 3
2	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 1
3	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl ₂ B : 2017	0,50	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4	Độ đục (*)	SMEWW 2130.B : 2017	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2
5	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2017	Không phát hiện (LOD=3,0)	TCU	15
6	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
7	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	6,87	-	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).
(s/c) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c) : Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER****ThS. Huỳnh Ngọc Trường****GIÁM ĐỐC
DIRECTOR****ThS. Nguyễn Văn Tâm**

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department.

No. Document: QTCL-13/BM02

Version: 08

Date of issue: 18/10/2022

**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P.Bình Trị Đông B, Q.Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office: No.39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM city
Tel: (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



VILAS 1074 VIMCERTS 211

Số/ No: 10094 2210A/KQ
Mã số/ Code: 4961 2210
Mã số mẫu/ Sample code: 18414 2210
Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : **CHI NHÁNH CẤP NƯỚC VŨNG LIÊM**
Địa chỉ/ Address : **Ấp Trung Tín, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **21/10/2022** Ngày phân tích/ Date of analysis : **22/10/2022**
Ngày trả kết quả/ Date of issue : **28/10/2022**
Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước đã xử lý** Số lượng mẫu/ Quantity of sample : **01 mẫu**
Tên mẫu/ Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Địa điểm lấy mẫu: Petrolimex – Cửa hàng 54 – Tổ 5 - Ấp Hòa Nghĩa - Xã Trung Thành Tây, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
Tình trạng mẫu/ State of sample : **Đựng trong chai nhựa**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCVN 01-1: 2018/BYT
1	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 3
2	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 1
3	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl ₂ B : 2017	0,40	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4	Độ đục (*)	SMEWW 2130.B : 2017	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2
5	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2017	Không phát hiện (LOD=3,0)	TCU	15
6	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
7	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	6,79	-	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department.

No. Document: QTCL-13/BM02

Version: 08

Date of issue: 18/10/2022

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE